TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/DS-ST
Ngày 25-9-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Bình và ông Lê Huỳnh Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Cao Nhật Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 202/2023/TLST-DS ngày 26-6-2023 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXXST-DS ngày 18-8-2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐST-DS ngày 06-9-2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ: Số 266 – 268 đường N, phường Võ Thị S, Quận x, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đức K – Trưởng phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh Ninh Thuận (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Lê Thành T, sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 2, phường Đài S, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Lê Thành T và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (cụ thể là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh Ninh Thuận) có lập Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và kèm theo Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng

của Ngân hàng ngày 21-3-2022 vay với hạn mức 30.000.000đồng, Lãi suất: 31,2%/năm, mục đích tiêu dùng cá nhân; Được Ngân hàng cấp 02 thẻ tín dụng loại JCB số thẻ 356480-2617 và vay SacomPay số thẻ 356480-0965, nhưng chỉ được rút trong hạn mức của cả 02 thẻ là 30.000.000đồng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện vay tiêu dùng trên thẻ tín dụng 356480-2617 với số tiền tính đến ngày 25-9-2023 là nợ gốc 4.227.292đồng, nợ lãi quá hạn 906.170đồng; trên thẻ tín dụng 356480-0965 với số tiền tính đến ngày 25-9-2023 là nợ gốc 16.012.500 đồng, nợ lãi quá hạn 1.898.730đồng.

Tổng cộng ông T đã giao dịch với số tiền vay gốc là 20.239.792đồng, đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 14.122.352đồng.

Do ông Lê Thành T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết theo hợp đồng tín dụng, nên Ngân hàng khởi kiện ra Tòa án yêu cầu ông Lê Thành T phải trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền tính đến ngày 25-9-2023 là 23.044.692đồng, trong đó nợ gốc vay là 20.239.792đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 2.804.900đồng và tiền lãi, lãi phạt phát sinh của khoản nợ vốn gốc đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 26-9-2023 cho đến khi trả dứt nợ vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Lê Thành T vắng mặt dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự, còn bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông Lê Thành T phải trả số tiền nợ đã vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 21-3-2022 kèm theo điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân

của Ngân hàng TMCP S và đăng ký vay tiêu dùng trên ứng dụng Sacombank Pay kèm theo Điều khoản và điều kiện. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại khu phô2, phường Đài Sơn, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xử lý về việc vắng mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - Tháp Chàm đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T đều vắng mặt. Điều này chứng tỏ, ông T đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, đối chiếu Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 21-3-2023, thấy rằng giấy tờ trên có chữ ký của ông Lê Thành T nên có đủ cơ sở để xác định: Ngày 21-3-2022, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và ông Lê Thành T có lập Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, kèm theo điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S và đăng ký vay tiêu dùng trên ứng dụng Sacombank Pay kèm theo Điều khoản và điều kiện. Ông T được Ngân hàng phê duyệt và cấp hạn mức tín dụng số tiền là 30.000.000đồng, mục đích vay: tiêu dùng, lãi suất: 31,2%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện vay tiêu dùng trên thẻ tín dụng (số thẻ 256480-2617) với số tiền vay 3.000.000đồng, được áp dụng lãi suất 2,77%/năm. Và vay trên Sacombank Pay (số thẻ 356480-0965) với số tiền vay 27.000.000đồng, được áp dụng lãi suất 1,55%/tháng. Tính đến ngày 25-9-2023, ông T đã trả cho Ngân hàng được số tiền 14.122.352đồng.

[2.2] Đối với khoản vay của số thẻ 256480-2617 với số tiền vay 3.000.000đồng: Đến hạn trả nợ ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm Điều 18 Điều kiện và điều khoản sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng cá nhân đã ký kết. Từ ngày 25-12-2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn đã thỏa thuận là phù hợp với Điều 24 Điều kiện và điều khoản sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng cá nhân đã ký kết. Tính đến ngày 25-9-2023, ông T còn nợ Ngân hàng đối với khoản vay thẻ là số tiền: 5.133.462đồng, trong đó nợ gốc vay là 4.227.292đồng; số tiền nợ lãi quá hạn là 906.170đồng.

Đối với khoản vay trên Sacombank Pay (số thẻ 356480-0965) với số tiền vay 27.000.000đồng: Đến hạn trả nợ ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm Điều 4,5 Điều kiện và điều khoản sử dụng Sacombank Pay đã ký kết. Từ ngày 25-12-2022, Ngân hàng đã chấm dứt khoản vay Sacombank Pay, chuyển

sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn đã thỏa thuận là phù hợp với Điều 24 Điều kiện và điều khoản sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng cá nhân đã ký kết. Tính đến ngày 25-9-2023, ông T còn nợ Ngân hàng đối với khoản vay Sacombank Pay là số tiền: 17.911.230đồng, trong đó nợ gốc vay là 16.012.500đồng; số tiền nợ lãi quá hạn là 1.898.730đồng.

Việc Ngân hàng chuyển toàn bộ khoản nợ vay gồm số tiền vay gốc, phí trễ hạn, lãi thành khoản vay gốc là phù hợp với Điều 21, 24 Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S, Điều 5 Điều kiện và điều khoản sử dụng Sacombank Pay và đây là sự thoả thuận khi giao kết hợp đồng giữa ông T và Ngân hàng quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

[2.3] Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án ông T vắng mặt, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 92 của Bộ Luật tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự;

Căn cứ khoản 16 Điều 4 và Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

2. Buộc ông Lê Thành T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tính đến ngày 25-9-2023 là: 23.044.692đồng, (hai mươi ba triệu, không trăm bốn mươi bốn ngàn, sáu trăm chín mươi hai đồng), trong đó nợ gốc vay là 20.239.792đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 2.804.900đồng

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Lê Thành T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán

xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thì lãi suất mà ông Lê Thành T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

4. Về án phí: ông Lê Thành T phải chịu 1.152.000đồng (một triệu, một trăm năm mươi hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 522.000đồng (năm trăm hai mươi hai ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005482 ngày 23-6-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, Án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Vân